

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân Th phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 415/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 021/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1998; thường trú: Xóm B, xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Tổ 2, khu phố Đông Th, phường T, Th phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Công Th, sinh năm 1991; thường trú: Xóm B, xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Tổ 2, khu phố Đông Th, phường T, Th phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị D và anh Th tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì về chung sống từ năm 2017. Sau đó, vợ chồng tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, Th phố H, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 30/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Th phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ và có với nhau một người con gái. Từ khoảng tháng 5/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến khoảng tháng 10/2020 thì mâu thuẫn phát sinh rất trầm

trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, anh Th không dành thời gian để quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ khoảng tháng 11/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị D và anh Th có 01 con chung tên Dương Uyển Nh, sinh ngày 11/01/2019. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2021, bị đơn anh Dương Công Th trình bày: Anh Th và chị D tìm hiểu nhau khoảng 5 năm thì về chung sống. Vợ chồng tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, Th phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc, vui vẻ và có với nhau một người con gái. Vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế nên xảy ra cãi vã. Còn nguyên nhân khác là do anh Th dành quá nhiều thời gian cho công việc, không dành nhiều thời gian cho gia đình, vợ con. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay vợ chồng không thể ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 01/2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn quá trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn nên anh Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Th đề nghị Tòa án nhân dân Th phố Dĩ An tiếp tục thụ lý, giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh Th và chị D có 01 con chung tên Dương Uyển Nh, sinh ngày 11/01/2019. Sau khi ly hôn anh Th đồng ý giao con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, Th phố H, tỉnh Hà Tĩnh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 30/5/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị D xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất

đồng quan điểm, lối sống, anh Th không dành thời gian chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay và yêu cầu được ly hôn. Anh Th thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về kinh tế nên xảy ra cãi vã, anh Th không dành thời gian chăm sóc gia đình, vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị D và anh Th đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D và anh Th đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chị D yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh Th có 01 (một) con chung tên Dương Uyển Nh, sinh ngày 11/01/2019. Chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa Th niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nhi hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu sống cùng mẹ vẫn phát triển tốt. Tại biên bản bản tự khai anh Th đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận, phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị D và anh Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D đối với anh Dương Công Th về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Dương Công Th. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2018 do Ủy ban nhân dân xã Thạch Bình, Th phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 30/5/2018).

- Về con chung: Anh Dương Công Th giao cháu Dương Uyển Nh, sinh ngày 11/01/2019 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Công Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị D và anh Th đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Th lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị D nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị D và anh Dương Công Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003243, ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Anh Dương Công Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Th phố Dĩ An;
- Chi cục THADS Th phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân